TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2023/HNGĐ- ST
Ngày 9 – 03 - 2023
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên toà: Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu -** Kiểm sát viên

Ngày 9 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 618 /2022/TLST- HNGĐ ngày 21/12/2022 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXX-ST ngày 20/02/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:***- Anh Đỗ Trọng Q**, sinh năm: 1982; Hộ khẩu thường trú: ĐC, xã ĐPY,huyện CM, Hà Nội.(có mặt)

Bị đơn:

- Chị Đoàn Thị Thanh N, sinh năm: 1987; Hộ khẩu thường trú và Chỗ ở: ĐC, xã ĐPY,huyện CM, Hà Nội. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – anh Đỗ Trọng Q trình bày:

Tôi và chị Đoàn Thị Thanh N kết có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã CL (nay là XA), HH, Phú Thọ vào ngày 13/12/2006. Sau khi kết hôn chúng tôi sống với nhau đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị N.

Về con chung: có 02 con

Đỗ Trọng M, sinh 13/11/2007

Đỗ Thị N1, sinh 19/8/2010

Sau khi ly hôn các cháu ở với tôi, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức:Vợ chồng chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn – chị Đoàn Thị Thanh N trình bày:

Tôi và anh Đỗ Trọng Q kết có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã CL (nay là XA), HH, Phú Thọ vào ngày 13/12/2006. Sau khi kết hôn chúng tôi sống với nhau đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu là bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc. Nay chồng tôi làm đơn ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: có 02 con

Đỗ Trọng M, sinh 13/11/2007

Đỗ Thị N1, sinh 19/8/2010

Trường hợp phải ly hôn tôi nuôi cháu Đỗ Trọng M.

Về tài sản chung và công nợ, công sức:Vợ chồng chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chồng tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Anh Q được ly hôn chị N . Con chung: Giao 01 con chung cho anh Q nuôi dưỡng cháu Mạnh, chị N nuôi cháu Nguyên; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản, công sức, công nợ: không có. Anh Q phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Đỗ Trọng Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn chị Đoàn Thị Thanh N. Chị N đang sinh sống tại Thông ĐC, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Trọng Q và chị Đoàn Thị Thanh N thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL (nay là xã XA), huyện HH, tỉnh Phú Thọ ngày 13/12/2006 là hợp pháp. Quá trình anh Q và chị N phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012. Theo anh Q nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc. Nay anh Q xin ly hôn, chị N không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, tình cảm giữa anh Q và chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Q và chị N là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: anh Q và chị N có 02 con chung cháu Đỗ Trọng M, sinh 13/11/2007 và Đỗ Thị N1, sinh 19/8/2010. Xét thấy, cháu Mạnh và cháu Nguyên có nguyện vọng muốn ở với bố, nhưng chị N lại muốn nuôi cháu Mạnh. Do đó, giao cho anh Q được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Mạnh, giao chị N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyên đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: anh Q và chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: anh Đỗ Trọng Q được ly hôn chị Đoàn Thị Thanh N**.**

2. Về con chung: anh Q và chị N có 02 con chung là cháu Đỗ Trọng M, sinh 13/11/2007 và Đỗ Thị N1, sinh 19/8/2010.

Giao cho anh Đỗ Trọng Q được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Trọng M, sinh 13/11/2007 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Giao cho chị Đoàn Thị Thanh N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đỗ Thị N1, sinh 19/8/2010 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Trọng Q và chị Đoàn Thị Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Đỗ Trọng Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076455 ngày 21/12/2022.

Anh Đỗ Trọng Q, chị Đoàn Thị Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Cơ quan việc thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vương Đăng Khoa